**ĐỀ VẬT LÝ NINH GIANG – HẢI DƯƠNG 2022-2023**.

1. Một con lắc lò xo gồm một vật nhỏ khối lượng m và lò xo có độ cứng k. Con lắc dao động điều hòa với tần số góc là:

**A.** $2π\sqrt{\frac{m}{k}}$. **B.** $2π\sqrt{\frac{k}{m}}$. **C.** $\sqrt{\frac{m}{k}}$. **D.** $\sqrt{\frac{k}{m}}$.

1. Trong dao động điều hòa, khoảng thời gian ngắn nhất để vật đi từ vị trí cân bằng đến vị trí biên là

**A.** hai chu kì. **B.** một phần tư chu kì. **C.** một chu kì. **D.** một nửa chu kì.

1. Một sóng dọc truyền trong một môi trường thì phương dao động của các phần tử môi trường

**A.** là phương thẳng đứng. **B.** là phương ngang.

**C.** vuông góc với phương truyền sóng. **D.** trùng với phương truyền sóng.

1. Một vật dao động điều hòa theo phương trình $x=Acos⁡(ωt+φ)$. Đại lượng $x$ được gọi là:

**A.** li độ dao động. **B.** chu kì dao động. **C.** biên độ dao động. **D.** tần số dao động.

1. Xét dao động tổng hợp của hai dao động thành phần có cùng phương và cùng tần số. Biên độ của dao động tổng hợp không phụ thuộc

**A.** Biên độ của dao động thành phần thứ nhất. **B.** Biên độ của dao động thành phần thứ hai.

**C.** Tần số chung của hai dao động thành phần. **D.** Độ lệch pha của hai dao động thành phần.

1. Một con lắc lò xo có tần số dao động riêng $f\_{0}$. Khi tác dụng vào nó một ngoại lực cưỡng bức tuần hoàn có tần số $f$ thì xảy ra hiện tượng cộng hưởng. Hệ thức nào sau đây đúng?

**A.** $f=2f\_{0}$. **B.** $f=f\_{0}$. **C.** $f=4f\_{0}$. **D.** $f=0,5f\_{0}$.

1. Hai nguồn sóng kết hợp là hai nguồn dao động cùng phương, cùng

**A.** biên độ nhưng khác tần số.

**B.** pha ban đầu nhưng khác tần số.

**C.** tần số và có hiệu số pha không đổi theo thời gian.

**D.** biên độ và có hiệu số pha thay đổi theo thời gian.

1. Một con lắc lò xo có khối lượng vật nhỏ là $m$ dao động điều hòa theo phương ngang với phương trình $x=Acosωt$. Mốc tính thế năng ở vị trí cân bằng. Cơ năng của con lắc là

**A.** $\frac{1}{2}mω^{2} A^{2}$. **B.** $mωA^{2}$. **C.** $mω^{2}A^{2}$. **D.** $\frac{1}{2}mωA^{2}$.

1. Một sóng cơ hình sin truyền theo trục $Ox$. Hệ thức liên hệ giữa chu kì và tần số của sóng là

**A.** $T=f$. **B.** $T=\frac{2π}{f}$. **C.** $T=2πf$. **D.** $T=\frac{1}{f}$.

1. Một sóng cơ hình sin truyền trong một môi trường với bước sóng $λ$. Trên cùng một hướng truyền sóng, khoảng cách giữa hai điểm gần nhau nhất mà phần tử của môi trường tại đó dao động ngược pha nhau là

**A.** $2λ$. **B.** $\frac{λ}{4}$. **C.** $λ$. **D.** $\frac{λ}{2}$.

1. Một chất điểm có khối lượng $m$ đang dao động điều hòa. Khi chất điểm có vận tốc $v$ thì động năng của nó là

**A.** $vm^{2}$. **B.** $mv^{2}$. **C.** $\frac{mv^{2}}{2}$. **D.** $\frac{vm^{2}}{2}$.

1. Một con lắc lò xo dao động điều hòa theo phương nằm ngang. Nếu biên độ dao động tăng gấp đôi thì tần số dao động điều hòa của con lắc

**A.** không đổi. **B.** tăng 2 lần. **C.** tăng $\sqrt{2}$ lần. **D.** giảm 2 lần.

1. Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ và lò xo nhẹ có độ cứng $10 N/m$, dao động điều hòa với chu kì riêng $1 s$. Khối lượng của vật là

**A.** $150 g$. **B.** $200 g$. **C.** $250 g$. **D.** 100 g.

1. Điện năng tiêu thụ được đo bằng

**A.** Công tơ điện. **B.** ampe kế. **C.** vôn kế. **D.** tĩnh điện kế.

1. Tại một nơi xác định, một con lắc đơn dao động điều hòa với chu kì $T$, khi chiều dài con lắc tăng 4 lần thì chu kì con lắc

**A.** tăng 2 lần. **B.** tăng 4 lần. **C.** không đổi. **D.** tăng 16 lần.

1. Có hai điện tích điểm $q\_{1}$ và $q\_{2}$, chúng đẩy nhau. Khẳng định nào sau đây là đúng?

**A.** $q\_{1}q\_{2}<0$. **B.** $q\_{1}q\_{2}>0$. **C.** $q\_{1}<0$ và $q\_{2}>0$. **D.** $q\_{1}>0$ và $q\_{2}<0$.

1. Trong thí nghiệm giao thoa sóng ở mặt nước, hai nguồn kết hợp dao động cùng pha theo phương thẳng đứng phát ra hai sóng có bước sóng $λ$. Cực đại giao thoa tại các điểm có hiệu đường đi của hai sóng từ nguồn truyền tới đó bằng

**A.** $kλ$ với $k=0,\pm 1,\pm 2$. **B.** $\left(k+\frac{3}{4}\right)λ$ với $k=0,\pm 1,\pm 2$.

**C.** $\left(k+\frac{1}{2}\right)λ$ với $k=0,\pm 1,\pm 2$. **D.** $\left(k+\frac{1}{4}\right)λ$ với $k=0,\pm 1,\pm 2$.

1. Một con lắc lò xo dao động tắt dần trên mặt phẳng nằm ngang. Cứ sau mỗi chu kì biên độ giảm 2,5%. Gốc thế năng tại vị trí của vật mà lò xo không biến dạng. Phần trăm cơ năng của con lắc bị mất đi trong hai dao động toàn phần liên tiếp có giá trị gần nhất với giá trị nào sau đây?

**A.** $7\%$. **B.** $10\%$. **C.** $4\%$. **D.** $8\%$.

1. Một con lắc đơn có chiều dài $121 cm$, dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường $g=$ $10 m/s^{2}$. Lấy $π^{2}=10$. Chu kì dao động của con lắc là

**A.** $0,5 s$. **B.** $2,0 s$. **C.** $1,0 s$. **D.** 2,2 s.

1. Vật dao động điều hoà có phương trình $x=5cos\left(2πt+\frac{π}{3}\right)(cm)$. Vận tốc của vật khi đi qua vị trí có li độ $x=3 cm$ là:

**A.** $\pm 25,1 cm/s$. **B.** $25,1 cm/s$. **C.** $12,6 cm/s$. **D.** $\pm 12,6 cm/s$.

1. Trong thí nghiệm giao thoa sóng trên mặt nước, hai nguồn kết hợp đặt tại hai điểm $A$ và $B$ dao động cùng pha theo phương thẳng đứng. Sóng truyền trên mặt nước có bước sóng là $4 cm$. Trên đoạn thẳng $AB$, khoảng cách giữa hai cực tiểu giao thoa liên tiếp là

**A.** $8 cm$. **B.** $2 cm$. **C.** $1 cm$. **D.** $4 cm$.

1. Hai dao động điều hòa thành phần cùng phương, cùng tần số, có biên độ lần lượt là $6 cm$ và 8 $cm$, biên độ dao động tổng hợp không thể nhận giá trị.

**A.** $A=8 cm$. **B.** $A=6 cm$. **C.** $A=4 cm$. **D.** $A=15 cm$.

1. Một chất điểm dao động điều hòa dọc trục $Ox$ với phương trình $x=10\cos(2πt)(cm)$. Quãng đường đi được của chất điểm trong một nửa chu kì dao động là

**A.** $10 cm$. **B.** $30 cm$. **C.** $40 cm$. **D.** $20 cm$.

1. Một người đi bộ với bước đi dài $Δs=0,6 m$. Nếu người đó xách một xô nước mà nước trong xô dao động với tần số $f=2 Hz$. Người đó đi với vận tốc bao nhiêu thì nước trong xô sóng sánh mạnh nhất?

**A.** $3,95 km/h$. **B.** $4,32 km/h$. **C.** $2,85 km/h$. **D.** $5,00 km/h$.

1. Độ tụ của thấu kính có đơn vị là

**A.** mét. **B.** điốp. **C.** độ. **D.** kilogam.

1. Một sóng cơ truyền dọc theo trục $Ox$ có phương trình $u=Acos⁡(20πt-πx)$, với $t$ tính bằng $s$. Tần số của sóng này bằng

**A.** $10 Hz$. **B.** $20 Hz$. **C.** $10πHz$. **D.** $20πHz$.

1. Một chất điểm dao động theo phương trình $x=6cosωt (cm)$. Dao động của chất điểm có biên độ là:

**A.** $2 cm$. **B.** $6 cm$. **C.** $3 cm$. **D.** $12 cm$.

1. Nhìn qua một thấu kính hội tụ, ta thấy ảnh ảo của vật thì ảnh đó:

**A.** có thể lớn hơn hay nhỏ hơn vật. **B.** luôn lớn hơn vật.

**C.** luôn nhỏ hơn vật. **D.** luôn ngược chiều với vật.

1. Một con lắc đơn chiều dài $20 cm$ dao động với biên độ góc $6^{0}$ tại nơi có $g=9,8 m/s^{2}$. Chọn gốc thời gian lúc vật đi qua vị trí có li độ góc $3^{0}$ theo chiều dương thì phương trình li độ góc của vật là:

**A.** $α=\frac{π}{30}cos⁡\left(7t+\frac{π}{3}\right)rad$. **B.** $α=\frac{π}{30}cos⁡\left(7t-\frac{π}{3}\right)$ rad.

**C.** $α=\frac{π}{60}cos⁡\left(7t-\frac{π}{3}\right)$ rad. **D.** $α=\frac{π}{30}sin⁡\left(7t+\frac{π}{6}\right)$ rad.

1. Một sóng cơ lan truyền trong một môi trường với tốc độ $120 cm/s$, tần số của sóng thay đổi từ $10 Hz$ đến $15 Hz$. Hai điểm cách nhau $12,5 cm$ luôn dao động vuông pha. Bước sóng của sóng cơ đó là:

**A.** $10,5 cm$. **B.** $8 cm$. **C.** $12 cm$. **D.** $10 cm$.

1. Một vật dao động có hệ thức giữa vận tốc và li độ là $\frac{x^{2}}{16}+\frac{v^{2}}{640}=1(x:cm;v:cm/s)$. Biết rằng lúc $t=0$ vật đi qua vị trí $x=A/2$ theo chiều hướng về vị trí cân bằng. Phương trình dao động của vật là

**A.** $x=4\cos(\left(4πt-\frac{π}{3}\right)\left(cm\right))$. **B.** $x=4cos⁡\left(4πt+\frac{π}{3}\right)(cm$.

**C.** $x=4cos⁡\left(2πt+\frac{π}{3}\right)(cm)$. **D.** $x=4cos⁡\left(2πt-\frac{π}{3}\right)(cm)$.

1. Hai con lắc đơn có chiều dài lần lượt là $l\_{1}$ và $l\_{2}$, được treo ở trần một căn phòng, dao động điều hòa với chu kì tương ứng là $2,0 s$ và $1,8 s$. Tỷ số $\frac{l\_{2}}{l\_{1}}$ bằng

**A.** 0,81. **B.** 1,23. **C.** 1,11. **D.** 0,90.

1. Ở mặt thoáng của một chất lỏng có hai nguồn sóng kết hợp $A$ và $B$ dao động theo phương thẳng đứng với phương trình $u\_{A}=u\_{B}=2cos⁡20πt$ ($u$ tính bằng $cm,t$ tính bằng $s$). Tốc độ truyền sóng trên mặt chất lỏng là $50 cm/s$. Coi biên độ sóng không đổi khi sóng truyền đi. Xét điểm $M$ ở mặt thoáng cách $A,B$ lần lượt là $d\_{1}=5 cm, d\_{2}=25 cm$. Biên độ dao động của phần tử chất lỏng tại $M$ là:

**A.** $4 cm$. **B.** $2 cm$. **C.** $0 cm$. **D.** $1 cm$.

1. Một con lắc lò xo gồm một vật nhỏ và lò xo có độ cứng $20 N/m$ dao động điều hòa với chu kì 2 s. Khi pha dao động là $\frac{π}{2}$ thì vận tốc của vật là $-20\sqrt{3} cm/s$. Lấy $π^{2}=10$. Khi vật qua vị trí có li độ $3π$ $cm$ thì động năng của con lắc là

**A.** $0,18 J$. **B.** $0,03 J$. **C.** $0,72 J$. **D.** $0,36 J$.

1. Một vật nhỏ khối lượng $100 g$ dao động theo phương trình $x=4cos10t (x$ tính bằng cm; $t$ tính bằng s). Động năng cực đại của vật là:

**A.** $64 mJ$. **B.** $16 mJ$. **C.** $8 mJ$. **D.** $128 mJ$.

1. Một vật dao động điều hòa theo phương trình $x=5cos⁡(2πt)cm$. Nếu tại một thời điểm nào đó vật đang có li độ $x=3 cm$ và đang chuyển động theo chiều dương thì sau đó $0,25 s$ vật có li độ là

**A.** 0. **B.** $-4 cm$. **C.** $-3 cm$. **D.** $4 cm$.

1. Hai con lắc lò xo giống nhau gồm lò xo nhẹ và vật nặng có khối lượng $500 g$, dao động điều hòa với phương trình lần lượt là $x\_{1}=Acos\left(ωt-\frac{π}{3}\right)cm$ và $x\_{2}=\frac{3A}{4}cos\left(ωt+\frac{π}{6}\right)cm$ trên hai trục tọa độ song song cùng chiều, gần nhau và cùng gốc tọa độ. Biết trong quá trình dao động, khoảng cách giữa hai vật lớn nhất bằng $10 cm$ và vận tốc tương đối giữa chúng có độ lớn cực đại bằng $1 m/s$. Để hai con lắc trên dừng lại phải thực hiện lên hệ hai con lắc một công cơ học có tổng độ lớn bằng

**A.** $0,1 J$. **B.** $0,15 J$. **C.** $0,25 J$. **D.** $0,5 J$.

1. Tiến hành thí nghiệm đo gia tốc trọng trường bằng con lắc đơn, một học sinh đo được chiều dài con lắc là $99\pm 1( cm)$, chu kì dao động nhỏ của nó là $2,00\pm 0,01( s)$. Lấy $π^{2}=9,87$ và bỏ qua sai số của số $π$. Gia tốc trọng trường do học sinh đo được tại nơi làm thí nghiệm là

**A.** $g=9,8\pm 0,1 \left(m/s^{2}\right)$. **B.** $g=9,7\pm 0,2 \left(m/s^{2}\right)$.

**C.** $g=9,8\pm 0,2 \left(m/s^{2}\right)$. **D.** $g=9,7\pm 0,1 \left(m/s^{2}\right)$.

1. Một lò xo nhẹ có độ cứng $100 N/m$, đầu trên của lò xo treo vào một điểm cố định. Vật $A$ có khối lượng $0,5 kg$ được treo vào đầu dưới của lò xo. Vật $B$ có khối lượng $0,5 kg$ treo vào vật $A$ nhờ một sợi dây mềm, nhẹ, không dãn và dài $15 cm$. Khi hệ vật và lò xo đang ở vị trí cân bằng người ta đốt sợi dây nối hai vật và vật $B$ sẽ rơi tự do còn vật $A$ sẽ dao động điều hòa. Lần đầu tiên vật $A$ lên đến vị trí cao nhất thì khoảng cách giữa hai vật bằng bao nhiêu? Biết rằng độ cao đủ lớn. Lấy $g=10 m/s^{2}$ và $π^{2}=10$.

**A.** $40 cm$. **B.** $45 cm$. **C.** $35 cm$. **D.** $50 cm$.

1. Cho 2 nguồn đồng bộ dao động tại 2 điểm 𝐴 và B cách nhau 16 cm trên mặt chất lỏng với bước sóng 1,5 cm. Điểm P nằm trên đoạn AB cách A một đoạn 6 cm. Gọi Ax, By là hai nửa đường thẳng trên mặt chất lỏng, cùng một phía so với AB và vuông góc với A**B.** Cho điểm $C$ di chuyển trên $Ax$ và điểm $D$ di chuyển trên $By$ sao cho PC luôn vuông góc với P**D.** Khi diện tích của tam giác PCD có giá trị nhỏ nhất thì số điểm dao động với biên độ cực đại trên PD là bao nhiêu?

**A.** 12. **B.** 13. **C.** 8. **D.** 6.

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.D | 2.B | 3.D | 4.A | 5.C | 6.B | 7.C | 8.A | 9.D | 10.D |
| 11.C | 12.A | 13.C | 14.A | 15.A | 16.B | 17.A | 18.B | 19.D | 20.A |
| 21.B | 22.D | 23.D | 24.B | 25.B | 26.A | 27.B | 28.B | 29.B | 30.D |
| 31.C | 32.A | 33.A | 34.B | 35.C | 36.D | 37.C | 38.C | 39.D | 40.C |